

UNIT 5: WHAT WILL YOU DO THIS WEEKEND?



I. VOCABULARY

English	Vietnamese		
1.	ở trường	8.	bơi ở biển
2.	ở sở thú	9.	tham quan các hòn đảo
3.	ở nhà	10.	thăm hiểm, khám phá các hang động
4.	ở trên bãi biển	11.	đi chơi bằng thuyền
5.	ở vùng biển	12.	xây lâu đài cát
6.	ở vùng núi	13.	tắm nắng
7.	ở vùng nông thôn	14.	xung quanh

II. STRUCTURE

1.	<i>Bạn sẽ ở đâu cuối tuần này?</i>
2.	<i>Mình nghĩ mình sẽ ở sở thú.</i>
3.	<i>Linda sẽ ở đâu vào cuối tuần này?</i>
4.	<i>Cô ấy sẽ ở vùng biển.</i>
5.	<i>Phong sẽ ở đâu vào tuần tới?</i>
6.	<i>Bạn ấy sẽ ở vùng núi.</i>

1.	<i>Bạn sẽ làm gì ở đó?</i>
2.	<i>(Mình nghĩ mình sẽ chụp hình với các con vật.)</i>
3.	<i>(Bạn sẽ làm gì ở Vịnh Hạ Long?)</i>
4.	<i>(Mình nghĩ mình sẽ khám phá các hang động.)</i>
5.	<i>(Bạn sẽ làm gì ở Vịnh Hạ Long?)</i>
6.	<i>(Mình nghĩ mình sẽ đi chơi bằng thuyền vòng quanh các hòn đảo.)</i>